

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Danh mục thành phần hồ sơ thủ tục hành chính phải số hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh Sóc Trăng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tỉnh Sóc Trăng tại Tờ trình số 19/TTr-SCT ngày 10 tháng 5 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục thành phần hồ sơ của 17 thủ tục hành chính phải số hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh Sóc Trăng, theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, khoản 1 Điều 4 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử (kèm theo Danh mục).

Điều 2. Căn cứ Danh mục hồ sơ phải số hóa được ban hành kèm theo Điều 1 của Quyết định này, Sở Công Thương chịu trách nhiệm:

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông cấu hình thành phần hồ sơ phải số hóa trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính

tính làm cơ sở cho công chức (hoặc nhân viên của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích được giao đảm nhận nhiệm vụ tiếp nhận, trả kết quả và số hóa hồ sơ) của Sở Công Thương làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thực hiện phân loại thành phần hồ sơ số hóa.

2. Thường xuyên rà soát, theo dõi các quy định của pháp luật chuyên ngành và thống kê Danh mục hồ sơ phải số hóa theo yêu cầu quản lý đối với thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh Danh mục được ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Chỉ đạo cán bộ, công chức, viên chức thực hiện xử lý, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 4, Điều 5 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương, Sở Thông tin và Truyền thông, tỉnh Sóc Trăng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./. *Nhb*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Công TTĐT tỉnh (*đăng tải*);
- Trung tâm PVHCC;
- Lưu: VT. *amb*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Huỳnh Thị Diễm Ngọc



DANH MỤC
THÀNH PHẦN HỒ SƠ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH PHẢI SỐ HÓA THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH SÓC TRĂNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 923 /QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
I	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước (08 TTHC)				
1	2.000674.000 .00.00.H51	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	Bản gốc văn bản xác nhận của thương nhân cung cấp xăng dầu cho tổng đại lý có thời hạn tối thiểu một (01) năm, trong đó ghi rõ chủng loại xăng dầu Danh sách hệ thống phân phối xăng dầu của thương nhân theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 95/2021/NĐ-CP), kèm theo các tài liệu chứng minh	000.00.00.G02 -KQ003345 000.00.00.G02 -KQ003344	Quyết định số 492/QĐ-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2022 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương
2	2.000664.000 .00.00.H51	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu đã được cấp <i>(nếu có - số hóa khi tổ chức nộp bản gốc)</i> .	000.00.00.G02 -KQ003353	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
3	2.000666.000 .00.00.H51	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	Bản gốc Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu đã được cấp	000.00.00.G02 -KQ003349	Quyết định số 492/QĐ-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2022 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương
4	2.000673.000 .00.00.H51	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	Bản gốc văn bản xác nhận của thương nhân cung cấp xăng dầu cho đại lý có thời hạn tối thiểu một (01) năm, trong đó ghi rõ chủng loại xăng dầu	000.00.00.G02 -KQ003359	
5	2.000672.000 .00.00.H51	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu (<i>nếu có - thực hiện số hóa khi tổ chức nộp bản gốc</i>)	000.00.00.G02 -KQ003366	
6	2.000669.000 .00.00.H51	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	Bản gốc Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu đã được cấp	000.00.00.G02 -KQ003362	
7	2.000645.000 .00.00.H51	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	Bản gốc Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu đã được cấp	000.00.00.G02 -KQ003377	



STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
8	2.000647.000 .00.00.H51	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu <i>(nếu có - thực hiện số hóa khi tổ chức nộp bản gốc)</i>	000.00.00.G02 -KQ003381	
II Lĩnh vực Quản lý cạnh tranh (01 TTHC)					
1	2.000309.000 .00.00.H51	Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	Bản chính Phiếu lý lịch tư pháp <i>(Đối với trường hợp không có trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tại địa phương, doanh nghiệp cung cấp các giấy tờ liên quan đến đầu mối tại địa phương)</i>	000.00.00.G02 -KQ003836	Quyết định số 1560/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2023 về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Quản lý cạnh tranh thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương
III Lĩnh vực Hóa chất (06 TTHC)					
1	2.001175.000 .00.00.H51	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều	Bản chính Giấy chứng nhận đã được cấp trong trường hợp Giấy chứng nhận bị sai sót hoặc có thay đổi về thông tin của tổ chức, cá nhân; phần bản chính còn lại có thể nhận dạng được của	000.00.00.G02 -KQ1606	Quyết định số 407/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2023 về



STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
		kiện trong lĩnh vực công nghiệp	Giấy chứng nhận trong trường hợp Giấy chứng nhận bị hư hỏng		việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Hóa chất thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương
2	2.001172.000 .00.00.H51	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp; giấy tờ, tài liệu chứng minh việc đáp ứng được điều kiện sản xuất, kinh doanh đối với các nội dung điều chỉnh	000.00.00.G02 -KQ1605	
3	2.001161.000 .00.00.H51	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	Bản chính Giấy chứng nhận đã được cấp trong trường hợp Giấy chứng nhận bị sai sót hoặc có thay đổi về thông tin của tổ chức, cá nhân; phần bản chính còn lại có thể nhận dạng được của Giấy chứng nhận trong trường hợp Giấy chứng nhận bị hư hỏng	000.00.00.G02 -KQ3032	
4	2.000652.000 .00.00.H51	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp; giấy tờ, tài liệu chứng minh việc đáp ứng được điều kiện kinh doanh đối với các nội dung điều chỉnh	000.00.00.G02 -KQ1443	
5	1.011507.00 0.00.00.H51	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản	Bản chính Giấy chứng nhận đã được cấp trong trường hợp Giấy chứng nhận bị sai sót hoặc có	000.00.00.G02 -KQ003507	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
		xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	thay đổi về thông tin của tổ chức, cá nhân; phần bản chính còn lại có thể nhận dạng được của Giấy chứng nhận trong trường hợp Giấy chứng nhận bị hư hỏng		
6	1.011508.000.00.00.H51	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp; giấy tờ, tài liệu chứng minh việc đáp ứng được điều kiện sản xuất, kinh doanh đối với các nội dung điều chỉnh	000.00.00.G02-KQ003509	
IV	Lĩnh vực Hoạt động xây dựng (02 TTHC)				
1	1.009972.000.00.00.H51	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	Hồ sơ khảo sát xây dựng được phê duyệt; thuyết minh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng; thiết kế cơ sở hoặc thiết kế khác theo thông lệ quốc tế phục vụ lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (gồm bản vẽ và thuyết minh); danh mục tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng cho dự án	000.00.00.G17-KQ002006	Quyết định số 3326/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2023 về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết
			Văn bản/quyết định phê duyệt và bản vẽ kèm theo (nếu có) của một trong các loại quy hoạch sau đây: Quy hoạch chi tiết xây dựng được cấp	000.00.00.G17-KQ002002	



STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
			<p>có thẩm quyền phê duyệt; quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch; phương án tuyến công trình, vị trí công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận; quy hoạch phân khu xây dựng đối với trường hợp không có yêu cầu lập quy hoạch chi tiết xây dựng</p>		của Sở Công Thương
			<p>Văn bản ý kiến về giải pháp phòng cháy và chữa cháy của thiết kế cơ sở; văn bản kết quả thực hiện thủ tục về đánh giá tác động môi trường hoặc giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (nếu có yêu cầu theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ môi trường). Các thủ tục về phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ môi trường được thực hiện theo nguyên tắc đồng thời, không yêu cầu bắt buộc xuất trình các văn bản này tại thời điểm trình hồ sơ thẩm định, nhưng phải có kết quả gửi cơ quan chuyên môn về xây dựng trước thời hạn thông báo kết quả thẩm định 05 ngày làm việc. Trường hợp chủ đầu tư có yêu cầu thực hiện thủ tục lấy ý kiến về giải pháp phòng cháy và chữa cháy của thiết kế cơ sở theo cơ chế một cửa liên thông khi thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu</p>	000.00.00.G17 -KQ002003	



STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
			<p>tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng thì chủ đầu tư nộp bổ sung 01 bộ hồ sơ theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy</p>		
			<p>Quyết định lựa chọn phương án thiết kế kiến trúc thông qua thi tuyển theo quy định và phương án thiết kế được lựa chọn kèm theo (nếu có yêu cầu)</p>	000.00.00.G17 -KQ002001	
			<p>Danh sách các nhà thầu kèm theo mã số chứng chỉ năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế cơ sở, nhà thầu thẩm tra (nếu có); mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế, lập tổng mức đầu tư; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra</p>	000.00.00.G17 -KQ002007	
			<p>Các văn bản thỏa thuận, xác nhận về đầu nối hạ tầng kỹ thuật của dự án; văn bản chấp thuận độ cao công trình theo quy định của Chính phủ về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam (trường hợp dự án không thuộc khu vực hoặc đối tượng có yêu cầu lấy ý kiến thống nhất về bề mặt quản lý độ cao công trình tại giai</p>	000.00.00.G17 -KQ002004	



STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
			đoạn phê duyệt quy hoạch xây dựng) (nếu có)		
			Văn bản về chủ trương đầu tư xây dựng công trình theo quy định pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư	000.00.00.G17-KQ002000	
2	1.009973.000.00.00.H51	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh	Các văn bản pháp lý kèm theo, gồm: quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng kèm theo Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng được phê duyệt; văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có); báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng của nhà thầu tư vấn thẩm tra được chủ đầu tư xác nhận (nếu có yêu cầu); văn bản thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy, kết quả thực hiện thủ tục về đánh giá tác động môi trường hoặc giấy phép môi trường (nếu có yêu cầu theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ môi trường) và các văn bản khác có liên quan.	000.00.00.G17-KQ002010	Quyết định số 3326/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2023 về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương
			Hồ sơ khảo sát xây dựng được chủ đầu tư phê duyệt; hồ sơ thiết kế xây dựng của bước thiết kế xây dựng trình thẩm định	000.00.00.G17-KQ002012	

SỞ CÔNG THƯƠNG